

Bản án số: 582 /2022/KDTM-PT

Ngày: 20/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Phùng Thị Như Mai

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 và ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ”.

Do Bản án sơ thẩm số 63/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4101/2022/QĐPT-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10365/2022/QĐ-PT ngày 19/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: 267/2 Đ, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Nguyên Hoàng Nhật L, sinh năm 1985, địa chỉ: 23/5/39 Đinh Tiên H, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Lê Thị Minh P, sinh năm 1969, địa chỉ: 93 Đinh Tiên H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 010522-GUQ-DINO ngày 01/5/2022) – Có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà S, số 326 V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1993, địa chỉ: 197/42/42/7 L, phường U, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022) – Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 29 tháng 11 năm 2021 và suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Nguyên Hoàng Nhật L trình bày:

Nguyên đơn và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T (Sau đây gọi là bị đơn) ký kết 02 hợp đồng cung ứng dịch vụ sau:

*Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020 về việc cung cấp dịch vụ: *“Sản xuất phim ca nhạc và hình ảnh chủ đạo cho chiến dịch ra mắt gói thành viên “Siêu vé thần kỳ”, với giá trị hợp đồng là 2.056.230.000 đồng (chưa tính phần phát sinh), bị đơn đã thanh toán được 1.028.115.000 đồng. Ngày 26/5/2021 nguyên đơn đã xuất hóa đơn số 0000096 cho phần còn lại của hợp đồng là 1.157.365.000 đồng, ngày 14/5/2021 (bao gồm cả chi phí phát sinh thêm), bị đơn thanh toán thêm được 200.000.000 đồng, còn lại 957.365.000 đồng.*

Đối với Hợp đồng số 02, nguyên đơn đã gửi cho bị đơn Biên bản xác nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của tác giả Nguyễn Diệu H, Giấy chứng nhận đã thực thi nghĩa vụ quyền tác giả âm nhạc của Trung Tâm bảo vệ quyền tác giả Việt Nam theo quy định tại Điều 7.3 của Hợp đồng, cũng như đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ nhưng phía bị đơn với lý do dịch bệnh và nhiều lý do khác để không ký thanh lý hợp đồng, không thực hiện việc thanh toán cho nguyên đơn.

* Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021 về việc cung cấp dịch vụ *“Lên kế hoạch và triển khai chiến lược truyền thông bao gồm nhưng không giới hạn các công việc: Viết nội dung quảng cáo dựa trên định hướng đã thống nhất; thực hiện quảng cáo trên các nền tảng truyền thông bao gồm Facebook, Youtube, Google; làm việc với KOLs, các hội nhóm trên Facebook để*

thực hiện đăng tải bài viết quảng cáo và đảm bảo các bài viết được đăng tải đạt mức KPI như đã thỏa thuận” với tổng giá trị hợp đồng là 2.192.008.500 đồng, bị đơn đã thanh toán 1.528.392.800 đồng; ngày 24/5/2021, nguyên đơn đã xuất hóa đơn số 0000095 cho phần còn lại của hợp đồng là 663.615.700 đồng, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 25/5/2021, ngày 16/7/2021, bị đơn đã thanh toán được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 463.615.700 đồng đến nay đã hết thời hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn theo đúng quy định.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc của hai hợp đồng trên là 1.420.980.700 đồng và tiền lãi chậm thanh toán cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020, từ ngày 25/7/2021 đến 27/4/2022 là 276 ngày $\times 0.03\%/ngày \times 463.615.700$ đồng = 39.096.140 đồng;

Đối với Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021, từ ngày 27/7/2021 đến 27/4/2022 là 274 ngày $\times 0.03\%/ngày \times 957.365.000$ đồng = 80.166.860 đồng;

Tổng cộng tiền lãi: 119.263.000 đồng. Tuy nhiên, do thỏa thuận tại Điều 5.4 của hai hợp đồng trên là tiền lãi không được vượt 8% của giá trị vi phạm, nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 113.678.456 đồng ($1.420.980.700$ đồng $\times 8\%$ giá trị vi phạm).

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với phương án hòa giải mà phía bị đơn đưa ra. Đề nghị bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản khai đề ngày 25/02/2022 và tại phiên tòa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T (Sau đây gọi là bị đơn) có bà Phạm Thị D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020 và Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 với nguyên đơn như nguyên đơn trình bày, cụ thể:

* Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020, bị đơn chưa nhận được đầy đủ các giấy tờ theo quy định tại Điều 7.3 của Hợp đồng, đồng thời, hai bên cũng chưa ký biên bản nghiệm thu thanh lý dịch vụ, các giấy tờ này là điều kiện tiên quyết và là cơ sở để bị đơn tiến hành thanh toán cho nguyên đơn. Hai bên vẫn đang trong quá trình trao đổi và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thanh toán thì Thành phố Hồ Chí Minh bước vào đợt giãn cách xã hội kéo dài hơn 06

tháng, toàn bộ nhân sự phải làm việc tại nhà, làm cho quá trình trao đổi giữa hai bên bị gián đoạn.

Đối với nội dung Nguyên đơn đề cập về chi phí phát sinh là 117.500.000 đồng, bị đơn hiện tại không lưu giữ bất kỳ văn bản nào có chữ ký và đóng mộc của hai bên thể hiện nội dung trên.

* Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021, trong hồ sơ lưu trữ của bị đơn không tìm thấy Biên bản nghiệm thu và thanh lý có đầy đủ chữ ký của hai bên, Biên bản bàn giao các sản phẩm bàn giao được ký bởi hai bên và Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ. Đối với Hóa đơn VAT số 0000095 ngày 24/4/2021 do nguyên đơn gửi cho bị đơn để bổ sung hồ sơ thanh toán thì nội dung trên Hóa đơn bị sai thông tin, bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn bổ sung Biên bản điều chỉnh hóa đơn theo mẫu của Nkid để có cơ sở thanh toán. Thời điểm trao đổi này cũng là lúc Thành phố Hồ Chí Minh bước vào giai đoạn giãn cách xã hội nên việc hoàn thiện hồ sơ thanh toán cũng bị gián đoạn.

Trong suốt thời gian qua, do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng là dịch bệnh, mặc dù tài chính của bị đơn giảm sút nghiêm trọng nhưng bị đơn vẫn luôn nỗ lực hết sức để thanh toán dần cho nguyên đơn thông qua việc bị đơn đã chia nhỏ và thanh toán theo từng đợt, cụ thể là thanh toán thêm 400.000.000 đồng vào hai đợt ngày 14/5/2021 và ngày 17/5/2021, bị đơn cũng không xác định được là thanh toán cho hợp đồng nào. Vì vậy, bị đơn mong muốn hai bên hoàn thiện hồ sơ thanh toán, xác định số tiền còn lại cần thanh toán và tiến hành ký kết biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 63/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền cung ứng dịch vụ còn thiếu là 1.420.980.700 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 113.678.456 đồng, tổng cộng 1.534.659.156 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/5/2022, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chưa phù hợp tình hình thực tế vụ tranh chấp và chưa phù hợp quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 63/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T đã kháng cáo toàn bộ Bản án số 63/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chưa phù hợp tình hình thực tế vụ tranh chấp và chưa phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021, tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là: 1.928.392.800 đồng, còn lại 263.615.700 đồng. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại tuyên bị đơn còn nợ nguyên đơn là 463.615.700 đồng. Lý do kháng cáo như sau:

Thứ nhất, tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và bản khai ngày 29/12/2021 của nguyên đơn khẳng định tổng số tiền bị đơn đã thanh toán và còn nợ nguyên đơn là 263.615.700 đồng, bị đơn không nhận từ Tòa án nhân dân Quận 1 thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ số tiền bị đơn còn nợ là 263.615.700 đồng thành 463.615.700 đồng.

Thứ hai, nội dung chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng ngày 15/7/2021 là thanh toán cho hợp đồng số 03 và nguyên đơn cũng thừa nhận.

Thứ ba, Tại trang 4 bản án sơ thẩm có nội dung “... thanh toán thêm 400.000.000 đồng vào hai đợt ngày 14/5/2021 và 17/5/2021 bị đơn cũng không xác định thanh toán cho hợp đồng nào”.

2.1. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn xác nhận hai công ty có ký và thực hiện Hợp đồng cung ứng dịch vụ số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020 về việc cung cấp dịch vụ: *Sản xuất phim ca nhạc và hình ảnh chủ đạo cho chiến dịch ra mắt gói thành viên “Siêu vé thần kỳ”* và Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021 về việc cung cấp dịch vụ: *“Lên kế hoạch và triển khai chiến lược truyền thông bao gồm nhưng không giới hạn các công việc: Viết nội dung quảng cáo dựa trên định hướng đã thống nhất; thực hiện quảng cáo trên các nền tảng truyền thông bao gồm Facebook, Youtube, Google; làm việc với KOLs, các hội nhóm trên Facebook để thực hiện đăng tải bài viết quảng cáo và đảm bảo các bài viết được đăng tải đạt mức KPI như đã thỏa thuận.*

*Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020, tổng giá trị theo hợp đồng ký kết là 2.185.480.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được 1.028.115.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000038 ngày 09/12/2020 (Thanh toán đợt 1 HĐ 02 có giá trị 1.028.115.000 đồng); ngày 26/05/2021 nguyên đơn đã xuất hóa đơn số 0000096 cho phần còn lại của hợp đồng là 1.157.365.000 đồng (bao gồm cả phần phát sinh thêm là 129.250.000 đồng), ngày 14/5/2021 bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng, còn nợ lại 957.365.000 đồng.

Về phần chi phí phát sinh tăng thêm đối với diễn viên Piggy là 129.250.000 đồng, chứ không phải là 117.500.000 đồng như bị đơn trình bày, phần chi phí phát sinh này được thể hiện trong hóa đơn số 0000096 và tại bản email ngày 20, 21, 23/12/2020 được gửi đến và đi từ địa chỉ email T Nguyen Thanh “thanhT@dinosaur.vn” đến Trinh Vu Anh N “N.Trinh@nkidgroup.com”, Nguyen Ho Tra M “M.nguyen@nkidgroup.com”.... như thỏa thuận hợp đồng.

*Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021, tổng giá trị hợp đồng là 2.192.008.500 đồng, bị đơn đã thanh toán 1.528.392.800 đồng cho hóa đơn giá trị gia tăng số 0000041 ngày 04/01/2021 (thanh toán đợt 1 HĐ 02 có giá trị 1.528.392.800 đồng); ngày 24/05/2021 nguyên đơn đã xuất hóa đơn số 0000095 cho phần còn lại của hợp đồng là 663.615.700 đồng 0000095 ngày 24/5/2021 (thanh toán phần còn lại của HĐ 03), ngày 15/7/2021 bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng, còn nợ lại 463.615.700 đồng cho đến nay vẫn chưa thanh toán.

Bị đơn kháng cáo cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay hai bên chưa ký biên bản nghiệm thu thanh lý dịch vụ, bị đơn chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán hoàn thiện theo thỏa thuận tại Điều 2 của các hợp đồng, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên bị đơn chưa thanh toán giá trị còn lại của các hợp đồng trên cho nguyên đơn.

Về Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020, nguyên đơn cho rằng các tài liệu để thanh toán như bị đơn yêu cầu nguyên đơn đã gửi cho bị đơn thông qua thư điện tử vào các ngày 19, 20, 24, 25, và 26/5/2021, các ngày 6, 8 và 16/6/2021 được gửi đến và đi từ địa chỉ email T Nguyen Thanh "thanhT@dinosaur.vn", Minh P minhP@dinosaur.vn, Tran Thi truc L "L.tranthi@nkidgroup.com", Ngo Th Joseph Vu Th.ngo@nkidgroup.com, Trinh Vu Anh N "N.Trinh@nkidgroup.com" Nguyen Ho Tra M "M.nguyen@nkidgroup.com", Nguyen Le Chi M "M.nguyen@nkidgroup.com",...

Về Hợp đồng số 03-DINO/NKID-221220 ngày 25/3/2021, nguyên đơn đã cung cấp Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, Biên bản xác nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ ngày 25/12/2020, Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng thỏa thuận Điều 2 của hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền bị đơn xác nhận sản phẩm dịch vụ của hai hợp đồng đã được nguyên đơn bàn giao cho bị đơn đúng số lượng và chủng loại, thông tin mô tả như hợp đồng. Đồng thời sản phẩm của dịch vụ đã hoàn thành và bị đơn đang sử dụng và cho chạy quảng cáo trên Website của Công ty. Quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn xác nhận tài chính công ty giảm sút nghiêm trọng nhưng vẫn nỗ lực thanh toán dần cho nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng các giấy tờ nguyên đơn cung cấp chưa đúng theo quy định tại Điều 7.3 của Hợp đồng nên bị đơn chưa ký thanh lý hợp đồng với nguyên đơn và theo quy định tại Điều 7.6 của Hợp đồng, bị đơn không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 10, Điều 16 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, khoản 1 Điều 94 và khoản 3 Điều 95 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015 “*thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu thư điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử*” nguyên đơn đã gửi cho bị đơn thông qua thư điện tử và có giá trị làm chứng cứ, nên có căn cứ xác định hợp đồng đã hoàn thành đúng thời hạn được thỏa thuận tại Điều 4 của 02 Hợp đồng nêu trên và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Thương mại.

Đến nay, bị đơn vẫn không thanh toán tiền cung ứng dịch vụ của hai hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp email trao đổi giữa hai bên có nội dung xác định bị đơn thanh toán số tiền 200.000.000 đồng ngày 15/7/2021 cho nguyên đơn là của Hợp đồng số 02-DINO/NKID-091220 ngày 30/12/2020. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.420.980.700 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, cấp sơ thẩm áp dụng đúng quy định pháp luật để giải quyết vụ kiện là có cơ sở.

2.2. Về yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền lãi của hai hợp đồng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính trên dư nợ gốc với mức lãi suất 0,03%/ngày (tương đương 0,9%/tháng) theo quy định tại Điều 5.4 của 02 Hợp đồng nêu trên “*...trong trường hợp bên mua chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bên mua sẽ trả lãi suất trả chậm tối đa 0,03%/ngày tính trên số tiền trả chậm và số ngày trả chậm, nhưng số tiền lãi trả chậm không vượt quá 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm*”. Do thỏa thuận tại Điều 5.4 của hai hợp đồng trên là tiền lãi không được vượt 8% của giá trị vi phạm, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 113.678.456 đồng (1.420.980.700 đồng x 8% giá trị vi phạm) là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần Quyết định tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, đây là vụ án Kinh doanh thương mại nên điều chỉnh theo Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại năm 2005 cho phù hợp.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 1.534.659.156 đồng = **58.039.775 đồng**.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T. Giữ nguyên Bản án số 63/2022/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền cung ứng dịch vụ còn thiếu là 1.420.980.700 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 113.678.456 đồng, tổng cộng 1.534.659.156 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **58.039.775 đồng**.

Công ty TNHH K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 28.116.384 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005180 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005840 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo

